TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11 /2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 27- 02 -2024
V/v " Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 287/2023/HNGĐ - ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc " Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 06 /2024 ngày 01/02/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T - Sinh năm: 1996 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hà Đình G - Sinh năm: 1993 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ngô Thị T trình bày: Chị và anh Hà Đình G kết hôn với nhau trên tình thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/04/2018. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022, chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống ở xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó

tự lo. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm đã không còn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Hà Đình G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu là Hà Phương Ngọc A, sinh ngày 19/11/2018. Hiện nay cháu Ngọc A đang ở cùng với chị T và ông bà ngoại tại xã X, huyện T. Cháu khỏe mạnh phát triển tốt, nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay công việc của chị làm phòng khám Đa khoa M địa chỉ tại: Phường T, thành phố Thanh Hóa, thu nhập bình quân hàng tháng 16.000.000đ/ tháng, ngoài ra chị ở cùng bố mẹ đẻ, nên cũng được ông bà giúp đỡ chị chăm sóc cháu trong thời gian chị đi làm, nên chị xét thấy đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản và phần nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Hà Đình G vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án, anh G trình bày anh và chị Ngô Thị T đăng ký kết hôn ngày 24/04/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh G thường xuyên đi làm xa, kinh tế khó khăn cộng thêm một phần do anh chơi bời nên nợ nần, vợ chồng ngồi nói chuyện thì xảy ra cãi nhau, nên anh, chị đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, anh G có gặp chị T để khuyên nhủ nhiều lần, nhưng chị T vẫn không đồng ý quay về đoàn tụ. Nay chị Ngô Thị T làm đơn xin ly hôn anh G, anh không đồng ý, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung cháu là Hà Phương Ngọc A, sinh ngày 19/11/2018. Hiện nay cháu Ngọc A đang ở cùng với chị T. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh G đồng ý cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc A, vì cháu là con gái đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Hà Đình G. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, công nhận việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh G, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Phương Ngọc A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc chị Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Đây là vụ án " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hà Đình G cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh G trốn tránh không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Hà Đình G đăng ký kết hôn ngày 24/04/2018 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 20/2018. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm tha thiết đề nghị được ly hôn, anh G đề nghị được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh G đã kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Hà Đình G.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 (một) con chung với nhau, là Hà Phương Ngọc A, sinh ngày 19/11/2018. Hiện nay cháu Ngọc A đang ở cùng với chị T. Công nhận sự thỏa thuận của chị Ngô Thị T và anh Hà Đình G. Giao cháu Ngọc A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[6]. Về án phí***:** Chị Ngô Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Hà Đình G.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị T và anh G. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Phương Ngọc A, sinh ngày 19/11/2018. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh G có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chung người trực tiếp nuôi con chung không chăm sóc chu đáo, ảnh hưởng đến sự phát triển về sức khỏe, học tập và sinh hoạt của bé, thì anh G có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Ngô Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2023/0002721 ngày 05 tháng 12 năm 2023 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Ngô Thị T và anh Hà Đình G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Thanh Hóa*
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã T.*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy